

Số : 31./ BC-ĐHHL

Ninh Bình ngày 10 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ NGƯỜI HỌC
VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN NĂM HỌC 2017-2018

Thực hiện Công văn số 7324/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 08/10/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và Kế hoạch số 183/KH-ĐHHL ngày 16 /11 /2017 của Trường Đại học Hoa Lư về việc Lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm học 2017 – 2018. Nhà trường đã chỉ đạo Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp với phòng Công tác sinh viên và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, tình hình triển khai và kết quả cụ thể như sau:

1. Việc xây dựng phiếu khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ người học:

- Trên cơ sở nội dung khảo sát theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nêu trong kế hoạch, phòng Khảo thí và ĐBCL tiến hành rà soát, xây dựng mẫu phiếu khảo sát để thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

- Mẫu phiếu khảo sát ngoài phần mở đầu về một số thông tin chung, nội dung đánh giá, khảo sát gồm 2 phần:

+ Phần thứ nhất có 23 tiêu chí có các nội dung chính về: Các hoạt động giảng dạy của giảng viên trên lớp (gồm 15 tiêu chí), các hoạt động kiểm tra đánh giá gồm (4 tiêu chí) và cảm nhận của sinh viên (gồm 4 tiêu chí). Các tiêu chí tập trung chủ yếu hỏi sinh viên về sự chuẩn bị của giảng viên trước giờ lên lớp; trình độ kiến thức chuyên môn và nội dung, phương pháp giảng dạy của giảng viên; Tinh thần trách nhiệm, quan hệ của giảng viên với sinh viên và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

+ Phần thứ hai là kiến riêng của từng cá nhân.

2. Quy trình thực hiện:

- Trên cơ sở phân công chuyên môn trong năm học và danh sách đề nghị của các đơn vị, phòng Khảo thí và ĐBCL đã lập danh sách các giảng viên và danh sách

các học phần, các lớp tham gia lấy ý kiến phản hồi trong năm học. Cụ thể gồm 74 giảng viên với 66 học phần giảng dạy đối với các lớp D7, D8, D9 và C22, C23. Mỗi giảng viên được khảo sát 1 hoặc 2 học phần; mỗi lớp khảo sát từ 3 đến 4 học phần. Trong đó khoa Kinh tế - Kỹ thuật: 20 giảng viên, 13 học phần; Khoa Tự nhiên: 9 giảng viên, 11 học phần; khoa Xã hội – Du lịch: 11 giảng viên, 12 học phần; khoa Tiểu học – Mầm non: 11 giảng viên, 12 học phần; khoa Nông Lâm: 4 giảng viên, 4 học phần; khoa Ngoại ngữ - Tin học: 3 giảng viên, 3 học phần; Bộ môn LLCT: 8 giảng viên, 4 học phần; Bộ môn GDTC – Tâm lý: 8 giảng viên, 7 học phần.

- Sau khi thông báo kết quả thi và điểm đánh giá học phần của học kỳ 1, cán bộ phòng Khảo thí và ĐBCL, phối hợp với cán bộ phòng Công tác sinh viên và đội ngũ trợ lý sinh viên của các khoa đã chuyển phiếu hỏi tới sinh viên, hướng dẫn sinh viên trả lời phiếu và thu nhận lại phiếu sau khi sinh viên đã trả lời xong. Sau đó toàn bộ phiếu được thu về phòng Khảo thí và ĐBCL để cán bộ phòng Khảo thí và ĐBCL tổng hợp, xử lý, phân tích số liệu và đánh giá kết quả.

3. Kết quả tổng hợp phiếu khảo sát

- Đã phát ra tổng số 2799 phiếu hỏi, và đã thu về 2510 phiếu trả lời của sinh viên, đạt tỉ lệ 89,7%. Trong các phiếu trả lời, hầu hết sinh viên đã trả lời đủ các câu hỏi trong phiếu.

- Với tổng số lượt đánh giá của sinh viên đối với từng câu hỏi trên phiếu là 57.730 lượt, tỉ lệ chung số phiếu đánh giá ở mức độ 4 là 69%, tỉ lệ chung đánh giá ở mức 3 là 24%, tỉ lệ chung số phiếu đánh giá ở mức độ 2 là 6%, mức 1 là 1%, trong đó giảng viên có tỉ lệ được đánh giá mức 4 cao nhất đạt 100% và thấp nhất là 22%. Tổng hợp tỉ lệ chung đối với các giảng viên thuộc từng đơn vị khoa, bộ môn quản lý như sau:

Đơn vị	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4
Khoa Kinh tế - Kỹ thuật	2%	12%	32%	54%
Khoa Tự nhiên	1%	4%	26%	69%
Khoa Xã hội – Du lịch	2%	5%	20%	73%
Khoa Tiểu học – Mầm non	1%	4%	26%	69%
Khoa Nông Lâm	0,2%	2%	11%	86,8%
Khoa Ngoại ngữ - Tin học	3%	9%	22%	74%
Bộ môn Lý luận chính trị	1%	5%	28%	60%
Bộ môn GDTC – Tâm lý	2%	3%	18%	77%
Tỉ lệ chung	1%	6%	24%	69%

Theo đánh giá chung của sinh viên:

- Hầu hết giảng viên đã thông báo đầy đủ về mục tiêu học tập ngay từ những buổi đầu lên lớp, thông báo cho sinh viên đầy đủ các tài liệu học tập và tài liệu tham khảo, đa số các giảng viên đã truyền đạt đầy đủ nội dung chương trình môn học. Có nhiều giảng viên được đánh giá là có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu, tạo hứng thú cho sinh viên trong quá trình học tập, tạo điều kiện cho sinh viên chủ động tham gia vào quá trình học tập. Việc kết hợp giữa giảng dạy chuyên môn và giáo dục đạo đức cho sinh viên đã được nhiều giảng viên thực hiện tốt. giờ lên lớp được các giảng viên thực hiện nghiêm túc, có trách nhiệm với sinh viên.

- Đa số giảng viên đã thông báo đầy đủ về hình thức, nội dung, thời điểm kiểm tra - đánh giá, kết quả học tập nhìn chung đảm bảo được sự công bằng, khách quan trong kiểm tra - đánh giá.

Tuy nhiên trong đánh giá của sinh viên vẫn còn một số giảng viên chưa chủ động, tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học chưa tạo được hứng thú học tập cho sinh viên, việc sử dụng các phương tiện dạy học của một vài giảng viên rất hạn chế, một số giảng viên còn thiếu thân thiện, cởi mở đối với sinh viên, chưa quan tâm nhiều đến việc giáo dục đạo đức, cho sinh viên. Một vài giảng viên còn nhận được ý kiến phản ánh việc chưa thực hiện nghiêm túc giờ giấc, còn lên lớp muộn, chưa chuẩn bị bài giảng chu đáo trước khi lên lớp.

4. Đánh giá chung về quá trình tổ chức thực hiện và kết quả khảo sát.

Ưu điểm:

- Quá trình triển khai kế hoạch, được các đơn vị và cá nhân có liên quan phối hợp thực hiện đúng tiến độ đề ra, đã vận động được khá đông sinh viên tham gia trả lời phiếu khảo sát (89.7%).

- Việc đánh giá của sinh viên đối với giảng viên trong năm học 2017-2018 nhìn chung tương đối khách quan, thực chất hơn thể hiện ở việc tỉ lệ đánh giá ở các mức độ 2, 3, 4 ở nhiều giảng viên, nhiều đơn vị có nhiều thay đổi so với năm học trước, đặc biệt là mức độ 3.

- Phần lớn các lớp sinh viên có ý thức, quan tâm trong quá trình đánh giá, có đầu tư nghiên cứu phiếu khảo sát và đánh giá tương đối khách quan về hoạt động giảng dạy của giảng viên như các lớp: D7 VL, D7KTA,B, D8KT, D8Văn, D9KTB, D9QTKD, D9GDTH A,B. C23GDTH.

Hạn chế:

- Còn một số lớp sinh viên chưa tham gia trả lời phiếu khảo sát như D/MNB (học phần Giáo dục hòa nhập), D9MNA (học phần Tiếng Anh 3).

- Một số lớp còn có nhiều phiếu trả lời trùng nhau đối với mỗi học phần, chúng tôi còn có những sinh viên chưa có trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin

khảo sát khi trả lời, chưa nghiên cứu kỹ phiếu khảo sát dẫn đến trả lời theo cảm tính.

- Ở một số lớp do số lượng sinh viên ít (C23KT, D8 Sinh, D9VNH) nên việc khảo sát, đánh giá ở một số giảng viên chưa có độ tin cậy cao.

- Chưa thực hiện việc khảo sát đối với tất cả các giảng viên, các học phần. Việc lượng hóa bằng các chỉ số đánh giá đối với kết quả khảo sát còn hạn chế.

Nguyên nhân của những hạn chế:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến mục đích yêu cầu, ý nghĩa của việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên chưa được các đơn vị quan tâm chỉ đạo và triển khai sâu rộng đến sinh viên, vì vậy còn có sinh viên chưa hiểu được hết ý nghĩa của công việc này, nên không tham gia trả lời đầy đủ phiếu khảo sát.

- Ý thức của của một số sinh viên chưa tốt, chưa chủ động, tích cực nghiên cứu và tham gia vào các công việc chung của trường, của lớp trong đó có việc lấy ý kiến phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

- Do chưa có phần mềm riêng để khảo sát và xử lý số liệu thu được nên việc triển khai thực hiện, nhất là việc tổng hợp, xử lý kết quả khảo sát gặp khó khăn, mất nhiều thời gian, công sức, tốn nhiều giấy in phiếu.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên của trường năm học 2017-2018. Nhà trường yêu cầu trường các đơn vị thông báo tới tất cả cán bộ, giảng viên của đơn vị được biết, đồng thời đề xuất các giải pháp khắc phục những tồn tại nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng về hoạt động giảng dạy trong những năm học tới. *NE*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu
- Các đơn vị trực thuộc
- Lưu VT, KT-ĐBCL



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. LÊ XUÂN GIANG



HỢP KẾT QUA LẤY Ý KIẾN PHẢN HỐI CỦA NGƯỜI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN
NĂM HỌC 2017 - 2018

Stt	Đơn vị	Lớp	Phát ra	Thu về	Tổng lượt đánh giá các	Tên học phần	Tên giảng viên	Các mức độ đánh giá								Ghi chú
								1		2		3		4		
								SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	KT - KT	D8KT	45	40	920	Kinh tế quốc tế	Nguyễn Hải Biên	48	5%	248	27%	319	35%	305	33%	
2	KT - KT	D7KTA,B	69	67	1541	Thuế	Đỗ Thị Bình	20	1%	92	6%	529	34%	900	59%	
3	KT - KT	D8KT	45	40	920	Thuế	Nguyễn Thị Bích Dung	28	3%	128	14%	255	28%	509	55%	
4	KT - KT	D7VL	16	16	368	Kỹ thuật số	Lương Thị Thu Giang	0	0%	0	0%	144	39%	224	61%	
5	KT - KT	D8KT	45	40	920	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	Đặng Thị Thu Hà	59	6%	197	21%	387	42%	277	31%	
6	KT - KT	D8KT	45	40	920	Bảo hiểm	Ngô Thị Hằng	8	1%	179	19%	356	39%	377	41%	
7	KT - KT	C22KT	22	16	368	Thanh toán quốc tế	Vũ Thị Vân Huyền	15	4%	59	16%	189	51%	105	29%	
8	KT - KT	D9KTB	32	25	575	Nguyên lý kế toán	Vũ Thị Minh Huyền	0	0%	40	7%	148	26%	387	67%	
9	KT - KT	D7KTA,B	69	65	1495	Kinh tế và quản lý môi trường	Hoàng Việt Hưng	0	0%	42	3%	286	19%	1167	78%	
10	KT - KT	D9KTA	33	26	598	Nguyên lý kế toán	Lê Thị Liễu	3	1%	37	6%	198	33%	360	60%	
11	KT - KT	D9QTKD	12	9	207	Kinh tế vĩ mô 1	Nguyễn Thị Hồng Lý	1	0%	6	3%	106	51%	94	46%	
12	KT - KT	D9KTA,B	65	50	1150	Kinh tế vĩ mô 1	Phan Thị Hằng Nga	53	5%	231	20%	349	30%	517	45%	
13	KT - KT	C23KT	11	7	161	Nguyên lý thống kê	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0	0%	0	0%	0	0%	161	100%	
14	KT - KT	C23KT	11	7	161	Quản trị học	Bùi Thị Nhung	0	0%	0	0%	0	0%	161	100%	
15	KT - KT	C23KT	11	7	161	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	Phạm Thị Oanh	0	0%	30	19%	26	16%	105	65%	
16	KT - KT	D7KTB	30	30	690	Kiểm toán căn bản	Đặng Hà Quỳnh	8	1%	22	3%	235	34%	425	62%	
17	KT - KT	D9KTA,B	65	51	1173	Kinh tế quản lý môi trường	Phạm Khánh Quỳnh	22	2%	159	14%	382	33%	610	51%	
18	KT - KT	D7KTA,B	69	67	1541	Kế toán hành chính sự nghiệp	Đỗ Thị Thủy	3	0%	138	9%	437	28%	963	63%	
19	KT - KT	C22KT	22	17	391	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	Lê Thị Uyên	13	3%	23	6%	140	36%	215	55%	
20	KT - KT	D7KTA	38	37	851	Kiểm toán căn bản	Đào Thị Hồng Vân	3	0%	149	18%	293	34%	406	48%	
21	LLCT	D9QTKD	12	9	207	Đường lối cách mạng của Đảng	Bùi Duy Bình Dương Trọng Hạnh	22	10%	19	9%	80	39%	86	42%	

Stt	Đơn vị	Lớp	Phát ra	Thu về	Tổng số lượt đánh giá các	Tên học phần	Tên giảng viên	Các mức độ đánh giá												Ghi chú
								1		2		3		4						
								SL	%	SL	%	SL	%	SL	%					
22	LLCT	D9GDTHB	36	36	828	Đường lối cách mạng của Đảng	Nguyễn Thị Thu Dung	4	0%	88	11%	315	38%	421	51%					
23	LLCT	D8KT	45	22	506	Nhập môn hành chính nhà nước	Vũ Thị Hương Giang	11	2%	105	21%	158	31%	232	46%					
24	LLCT	D9MNA	29	26	598	Đường lối cách mạng của Đảng	Vũ Thị Tuyết Minh	2	0%	6	1%	87	15%	503	84%					
25	LLCT	C22KT	22	17	391	Pháp luật kinh tế	Phan Thị Thu Nhài	13	3%	29	7%	155	40%	194	50%					
26	LLCT	D9QTKD	12	9	207	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Phạm Thu Quỳnh	0	0%	7	3%	112	54%	88	43%					
27	LLCT	D7KTA,B	69	67	1541	Kỹ Thuật soạn thảo văn bản	Phạm Thu Quỳnh	0	0%	61	4%	476	31%	1004	65%					
28	LLCT	D9GDTHA	40	39	897	Đường lối cách mạng của Đảng	Lê Thị Ngọc Thủy	18	2%	67	7%	317	35%	495	56%					
29	NL	D9MNA	29	26	598	Sinh lý trẻ em	Hoàng Thị Bằng	2	0%	16	3%	98	16%	482	81%					
30	NL	D8S	7	6	138	Di truyền học	Bùi Thị Phương	0	0%	0	0%	7	5%	131	95%					
31	NL	D8S	7	6	138	Sinh thái học và môi trường	Trần Thị Thanh Phương	0	0%	0	0%	2	1%	136	99%					
32	NL	D8S	7	6	138	Phương pháp dạy học sinh học ở THCS	Nguyễn Tô Uyên	0	0%	0	0%	4	3%	134	97%					
33	NN - TH	D9KTA	33	17	391	Tiếng anh 3	Đặng Thanh Diễm	0	0%	7	2%	51	13%	333	85%					
34	NN - TH	D8KT	45	34	782	Aux văn thương mại căn bản 2	Nguyễn Thị Hồng Tuyền	55	7%	133	17%	342	44%	252	32%					
35	NN - TH	D9KTB	30	25	575	Tiếng anh 3	Hoàng Thị Tuyết	0	0%	9	2%	101	18%	465	80%					
36	TL-GDTC	D9KTA	33	26	598	Giáo dục thể chất 3	Đinh Thị Hoa	1	0%	30	5%	163	27%	404	68%					
37	TL-GDTC	D8NV	28	28	644	Phương Pháp NCKH	Vũ Thị Hồng	37	6%	70	11%	121	19%	416	64%					
38	TL-GDTC	D7MNA,B	85	83	1909	Các hình thức TCGD trẻ em trước tuổi học	Vũ Thị Huệ	33	2%	29	2%	357	19%	1490	77%					
39	TL-GDTC	D7MNA	42	39	897	Giáo dục hòa nhập	Nguyễn Thị Minh Ngọc	9	1%	19	2%	119	13%	750	84%					
40	TL-GDTC	C22GDTH	41	35	805	Đánh giá trong GDMN	Nguyễn Thị Nguyệt	4	0%	26	3%	142	18%	633	79%					
41	TL-GDTC	D9MNA	29	26	598	Giáo dục học MN 1	Bùi Thị Kim Phương	0	0%	4	1%	85	14%	509	85%					
42	TL-GDTC	D9KTB	32	25	575	Giáo dục thể chất 3	Lê Hồng Phương	6	1%	16	3%	85	15%	468	81%					

Stt	Đơn vị	Lớp	Phát ra	Thu về	Tổng số lượt đánh giá các	Tên học phần	Tên giảng viên	Các mức độ đánh giá												Ghi chú
								1		2		3		4						
								SL	%	SL	%	SL	%	SL	%					
43	TL-GDTC	C23GDTH	8	8	184	Giáo dục học TH và TH NGLL	Phạm Thị Trúc	9	5%	8	4%	70	38%	97	53%					
44	TN	D7H	19	20	460	Phức chất	Bùi Thị Kim Cúc	0	0%	3	1%	139	30%	318	69%					
45	TN	D7H	19	20	460	Hóa keo	Đinh Thị Kim Dung	0	0%	2	0%	130	28%	328	72%					
46	TN	C23GDTH	41	35	805	Chuyên đề toán tiểu học nâng cao	Nguyễn Thị Hiền	4	0%	28	3%	121	15%	652	82%					
47	TN	C23GDTH	8	8	184	Phương pháp dạy học toán ở TH1	Nguyễn Thị Hiền	8	4%	14	8%	55	30%	107	58%					
48	TN	D7H	19	20	460	Hóa công nghệ môi trường 2	Hà Thị Hương	0	0%	0	0%	125	27%	335	73%					
49	TN	D7VL	16	16	368	Tin học ứng dụng trong vật lý	Lê Chi Nguyễn	0	0%	15	4%	95	26%	258	70%					
50	TN	D8T	24	19	437	Phương trình vi phân	Nguyễn Thị Nhuận	0	0%	23	5%	70	16%	344	79%					
51	TN	D7VL	16	16	368	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Nguyễn Thị Lan Phương	0	0%	1	0%	133	36%	234	64%					
52	TN	D8T	24	17	391	Hành học sơ cấp 1	Phạm Thị Minh Thu	0	0%	4	1%	37	9%	350	90%					
53	TN	D9GDTHA,B	75	75	1725	Toán học 3	Phạm Thị Minh Thu	57	3%	133	8%	606	35%	929	54%					
54	TN	D8T	24	18	414	Không gian Metric - Topô	Bùi Thị Hải Yến	0	0%	2	0%	58	14%	354	86%					
55	TH - MN	DEMNA	30	30	690	Đồ chơi trẻ em	Tống Thị Kim Anh	0	0%	0	0%	31	4%	659	96%					
56	TH - MN	D7MNA,B	85	83	1909	Phát huy tính tích cực của trẻ mầm non trong trò chơi học tập	Lưu Thị Chung	40	2%	18	1%	362	19%	1489	78%					
57	TH - MN	D7MNA,B	85	83	1909	Biên đạo múa	Phạm Thị Thu Hiền	29	2%	50	3%	445	23%	1385	72%					
58	TH - MN	DEMNB	30	28	644	Cả hát mầm non	Phạm Thị Thu Hiền	0	0%	39	6%	145	23%	460	71%					
59	TH - MN	C23GDTH	41	35	805	Giải bài tập tiếng Việt ở Tiểu học	Bùi Thị Hồng	34	4%	53	7%	183	23%	535	66%					
60	TH - MN	DEMNA,B	60	58	1334	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em	Mai Anh Hồng	6	0%	64	5%	315	24%	949	71%					
61	TH - MN	D7MNA,B	85	85	1955	Giáo dục môi trường trường mầm non	Nguyễn Thị Hương Lan	35	2%	39	2%	420	21%	1461	75%					
62	TH - MN	DEMNA,B	60	59	1357	Biên đạo múa	Phạm Thanh Mai	26	2%	49	4%	294	22%	988	72%					
63	TH - MN	DEMNB	30	29	667	Đồ chơi trẻ em	Vũ Thị Thủy Nga	0	0%	16	2%	121	18%	530	80%					
64	TH - MN	D7MNA,B	85	82	1886	Quản lý trong giáo dục mầm non	Bùi Thị Kim Phụng	29	2%	31	2%	402	21%	1424	75%					
65	TH - MN	DEMNA	30	30	690	Cả hát mầm non	Phạm Văn Thiên	2	0%	24	3%	94	14%	570	83%					
66	TH - MN	DEMNA,B	60	58	1334	Phương pháp đọc kể diễn cảm TPVH	Phạm Thị Thanh Vân	8	1%	20	1%	224	17%	1082	81%					

Stt	Đơn vị	Lớp	Phát ra	Thu về	Tổng số lượt đánh giá các	Tên học phần	Tên giảng viên	Các mức độ đánh giá								Ghi chú
								1		2		3		4		
								SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
67	XH - DL	C23GDTH	8	8	184	Cơ sở TN - XH 2	Phạm Xuân Lê Đồng	13	7%	10	5%	51	28%	110	60%	
68	XH - DL	D7NV	37	34	782	Lý luận và phương pháp dạy học TV	Lê Thị Thu Hoài	0	0%	24	3%	171	22%	587	75%	
69	XH - DL	D8KT	45	16	368	Địa lý kinh tế Việt Nam	Hoàng Đức Hoàn	24	7%	93	25%	170	46%	81	22%	
70	XH - DL	D9VNH	11	11	253	Lịch sử văn minh thế giới	Lê Thị Huệ	0	0%	0	0%	32	13%	221	87%	
71	XH - DL	D8NV	28	28	644	Ngữ pháp văn bản	Đỗ Hồng Linh	30	5%	79	12%	129	20%	406	63%	
72	XH - DL	D9VNH	11	11	253	Văn tự học chữ Hán	Bùi Lê Nhật	0	0%	0	0%	19	8%	234	92%	
73	XH - DL	D7NV	37	32	736	Văn học hiện đại 2	Nguyễn Thị Phương	0	0%	0	0%	34	5%	702	95%	
74	XH - DL	D8NV	28	28	644	Văn học Trung Quốc	Trần Thị Huyền Phương	4	1%	23	4%	73	11%	544	84%	
75	XH - DL	D9GDTHA,B	75	75	1725	Tiếng việt 2	Phạm Thị Hồng Tâm	51	3%	124	7%	687	40%	863	50%	
76	XH - DL	D9VNH	11	11	253	Văn học dân gian Việt Nam	Vũ Thị Phương Thảo	0	0%	12	5%	51	20%	190	75%	
77	XH - DL	D7NV	37	34	782	Thi pháp học	Nguyễn Thị Thu	0	0%	0	0%	8	1%	774	99%	
78	XH - DL	D9MNA	29	26	598	Văn học trẻ em	Nguyễn Thị Thu	0	0%	3	1%	48	8%	547	91%	

PHÒNG KT&DBCL
Trưởng Phòng



Nguyễn Hữu Tiến

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu
- Các đơn vị trực thuộc
- Lưu VP, KT - DBCL